TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2023
"Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ng; sinh năm: 1983; địa chỉ: Số nhà 53, tổ dân phố 10, TTCX, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đình Ch; sinh năm: 1982; nơi ĐKNKTT: Thôn YT, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; chổ ở hiện nay: Khu 2 ĐX, huyện TT, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, văn bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ng kết hôn với anh Trần Đình Ch trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2005 tại UBND xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn YT, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Trần Đình Ch vi phạm chế độ hôn nhân gia đình, không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác và sống chung với người phụ nữ đó như vợ chồng dẫn đến có con riêng, mối quan hệ bất chính đó của anh Ch diễn ra từ năm 2012. Đến khoảng năm 2018 thì anh Ch chuyển ra huyện TT, tỉnh Phú Thọ làm ăn và sinh sống với người phụ nữ đó cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Hiện nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình Ch.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013. Nếu ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Ng không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và khoản nợ chung: Chị Bùi Thị Ng không yêu cầu giải quyết.

2. Theo văn bản ghi lời khai ngày 09/8/2023 bị đơn anh Trần Đình Ch trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của chị Bùi Thị Ng về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn anh cho rằng do cách sống không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Hiện nay, chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý nhất trí ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013. Nếu ly hôn anh Ch đồng ý để chị Bùi Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Anh Ch không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng.

- Về tài sản và khoản nợ chung: Anh Ch trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

* Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng quá trình tố tụng đã trình bày rõ các yêu cầu và đề nghị xử vắng mặt là đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Trần Đình Ch.

- Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013 cho chị Bùi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Ng không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

- Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc chị Bùi Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Ng sinh năm: 1983; địa chỉ: Số nhà 53, tổ dân phố 10, TTCX, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh và bị đơn anh Trần Đình Ch; sinh năm: 1982; nơi ĐKNKTT: Thôn YT, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đình Ch có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Đình Ch theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ng kết hôn với anh Trần Đình Ch trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2005 tại UBND xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với trích lục kết hôn của chị Ng và anh Ch do UBND xã ĐL cấp và chị Ng giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Đình Ch có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện anh Ch không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Trần Đình Ch.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Ng không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh Ch vắng mặt, nhưng tài liệu có tại hồ sơ thể hiện anh Ch đồng ý để chị Bùi Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Anh Ch không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các con từ khi sinh ra cho đến trước khi chị Ng và anh Ch sống ly thân do vợ chồng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân nhau cuối năm 2012 đến nay các con do một mình chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà cha mẹ đẻ chị Ng ở TTCX, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh. Hơn nữa tại đơn nguyện vọng của hai cháu có tại hồ sơ vụ án đều thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ đẻ chị Bùi Thị Ng. Quá trình các con ở với chị Ng các con đều được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học hành đầy đủ, có nơi ở ổn định. Để tiếp tục đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013 cho chị Bùi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Ng không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Ng và anh Trần Đình Ch không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng, anh Ch được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Trần Đình Ch.

2. Giao hai con chung Trần Thị Phương Ch, sinh ngày 08/12/2005 và Trần Bùi Đức Ch, sinh ngày 23/01/2013 cho chị Bùi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho

đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Ng không yêu cầu anh Trần Đình Ch cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Anh Trần Đình Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Chị Bùi Thị Ng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ng đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013194 ngày 29/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Chị Bùi Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/9/2023. Anh Trần Đình Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Đức Lạng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Thông